

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

Số: ... /2018/HĐHT/VPLSĐMS

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
 - Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
 - Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận giữa các bên.
- Sau khi trao đổi, thống nhất, Các bên đồng ý ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh này với các điều khoản sau:

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2018, tại ... chúng tôi gồm có:

Tên tổ chức: ... (sau đây gọi tắt là bên A):

Địa chỉ trụ sở: ...

Mã số doanh nghiệp: ...

Người đại diện theo pháp luật là ông/ bà: ...

Chức vụ: ...

Điện thoại: ...

Email: ...

(Trường hợp các bên là cá nhân thì được ghi như sau):

Họ và tên: ... (sau đây gọi tắt là bên ...)

Năm sinh: .../ .../ ...

Chứng minh nhân dân số ..., ngày cấp .../ .../ ..., nơi cấp: ...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ...

Chỗ ở hiện tại: ...

Điện thoại: ...

Email: ...

Tên tổ chức: ... (sau đây gọi tắt là bên B):

Địa chỉ trụ sở: ...

Mã số doanh nghiệp: ...

Người đại diện theo pháp luật là ông/ bà: ...

Chức vụ: ...

Điện thoại: ...

Email: ...

Cùng thỏa thuận và đồng ý ký kết hợp đồng hợp tác với các điều khoản như sau:

Điều 1. Mục đích hợp tác

Bên A và bên B đồng ý cùng nhau hợp tác ...

Điều 2. Thời hạn hợp tác

Thời hạn hợp tác tại Điều 1 hợp đồng này là ... tháng, kể từ ngày .../ .../ ... đến ngày ... / ... / ...

Điều 3. Tài sản đóng góp

3.1. Tài sản đóng góp của bên A:

Tên tài sản: ...

Chủng loại tài sản: ...

Số lượng tài sản: ...

Chất lượng tài sản: ...

Giá trị tài sản là: ... đồng (Bằng chữ: ...)

Thời điểm đóng góp tài sản là ngày .../ .../ ...

Địa điểm đóng góp tài sản tại: ...

Phương thức đóng góp tài sản: ...

(Bên A và bên B thực hiện thỏa thuận và xác định giá trị tài sản của mỗi bên theo quy định của pháp luật).

3.2. Tài sản đóng góp của bên B:

Tên tài sản: ...

Chủng loại tài sản: ...

Số lượng tài sản: ...

Chất lượng tài sản: ...

Giá trị tài sản là: ... đồng (Bằng chữ: ...)

Thời điểm đóng góp tài sản là ngày .../ .../ ...

Địa điểm đóng góp tài sản tại: ...

Phương thức đóng góp tài sản: ...

(Bên A và bên B thực hiện thỏa thuận và xác định giá trị tài sản của mỗi bên theo quy định của pháp luật).

Điều 4. Đóng góp bằng sức lao động

Bên A đóng góp bằng sức lao động ...

Bên B đóng góp bằng sức lao động ...

(Bên A và bên B thỏa thuận nội dung đóng góp bằng sức lao động (nếu có) và ghi cụ thể vào hợp đồng này).

Điều 5. Phương thức phân chia hoa lợi, lợi tức

5.1. Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác chỉ được cho các thành viên khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Lợi nhuận được chia cho thành viên: Tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp; Bên A được hưởng ... %, bên B được hưởng ... % trên tổng số lợi nhuận được chia.

Thời điểm chia lợi nhuận vào ngày cuối cùng của năm tài chính. Năm tài chính được tính bắt đầu kể từ ngày .../ ... / ..., kết thúc vào ngày .../ .../ ...

5.2. Nguyên tắc chịu lỗ: Tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp;

5.3. Chi phí hoạt động, bao gồm:

Tiền mua nguyên vật liệu: ...

Tiền lương, chế độ cho người lao động: ...

Chi phí điện, nước: ...

Khấu hao tài sản: ...

Chi phí bảo dưỡng: ...

Chi phí dự phòng khác: ...

Điều 6. Quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp tác

6.1. Được hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ hoạt động hợp tác.

6.2. Tham gia quyết định các vấn đề liên quan đến thực hiện hợp đồng hợp tác, giám sát hoạt động hợp tác.

6.3. Bồi thường thiệt hại cho các thành viên hợp tác khác do lỗi của mình gây ra.

6.4. Các thành viên hợp tác chịu trách nhiệm dân sự chung bằng tài sản chung; nếu tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung thì thành viên hợp tác phải chịu trách nhiệm bằng tài sản riêng theo phần tương ứng với phần đóng góp của mình.

6.5. Việc định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất, nhà, xưởng sản xuất, tư liệu sản xuất khác phải có thỏa thuận bằng văn bản của tất cả các thành viên.

6.6. Không được phân chia tài sản chung trước khi chấm dứt hợp đồng hợp tác.

6.7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

(Các thành viên thoả thuận việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác và ghi cụ thể vào trong hợp đồng này).

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của người đại diện

(Các thành viên thoả thuận căn cứ xác lập quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo quy định của pháp luật và ghi cụ thể vào trong hợp đồng này).

7.1. Trường hợp các thành viên hợp tác cử người đại diện thì người này là người đại diện trong xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.

7.2. Trường hợp các thành viên hợp tác không cử ra người đại diện thì các thành viên hợp tác phải cùng tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

7.3. Giao dịch dân sự do chủ thể là người đại diện hoặc thành viên hợp tác tại Điều này xác lập, thực hiện làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của tất cả thành viên hợp tác.

Điều 8. Điều kiện tham gia và rút khỏi hợp đồng hợp tác

8.1. Điều kiện tham gia: Cá nhân, pháp nhân muốn trở thành thành viên mới của hợp đồng phải được sự đồng ý ít nhất của 75% tổng số thành viên hợp tác.

8.2. Thành viên có quyền rút khỏi hợp đồng hợp tác trong trường hợp sau đây:

8.3. Theo thoả thuận của các thành viên hợp tác *(Các thành viên hợp tác thoả thuận cụ thể các điều kiện rút khỏi hợp đồng hợp tác và ghi vào trong hợp đồng hợp tác này).*

8.4. Có lý do chính đáng và được sự đồng ý của ít nhất 75% tổng số thành viên hợp tác.

8.5. Thành viên rút khỏi hợp đồng hợp tác có quyền yêu cầu nhận lại tài sản đã đóng góp, được chia phần tài sản trong khối tài sản chung và phải thanh toán các nghĩa vụ theo thoả thuận. Trường hợp việc phân chia tài sản bằng hiện vật làm ảnh hưởng đến hoạt động hợp tác thì tài sản được tính giá trị thành tiền để chia. Việc rút khỏi hợp đồng hợp tác không làm chấm dứt quyền, nghĩa vụ của người này được xác lập, thực hiện trước thời điểm rút khỏi hợp đồng hợp tác.

8.6. Việc rút khỏi hợp đồng hợp tác không thuộc trường hợp được quy định tại Điều này thì thành viên rút khỏi hợp đồng được xác định là bên vi phạm hợp đồng và phải thực hiện trách nhiệm dân sự theo hợp đồng này và quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Bồi thường thiệt hại: Bên vi phạm nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho bên bị vi phạm (nếu có).

Điều 10. Phương thức giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh cần giải quyết, thì bên A và bên B tiến hành thỏa thuận và thống nhất giải quyết kịp thời, hợp tình và hợp lý. Trường hợp bên A và bên B không thỏa thuận được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Chi phí khác

11.1. Chi phí thực hiện các thủ tục liên quan đến hợp đồng hợp tác tại cơ quan có thẩm quyền do ... chịu trách nhiệm thực hiện thanh toán theo quy định của pháp luật.

11.2. Lệ phí công chứng, chứng thực hợp đồng này do ... chịu trách nhiệm thực hiện thanh toán theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 12. Cam đoan của các bên

12.1. Bên A cam đoan:

- a) Thông tin về nhân thân, thửa đất ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Thửa đất cho thuê thuộc trường hợp được cho thuê theo quy định của pháp luật;
- c) Tại thời điểm giao kết hợp đồng này: Thửa đất cho thuê không có tranh chấp; Thửa đất cho thuê không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- d) Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- e) Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.

12.2. Bên B cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất tại Điều 1 của hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng, quyền sở hữu thửa đất cho thuê (nếu có);
- c) Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.

Điều 13. Điều kiện chấm dứt hợp tác

13.1. Hợp đồng hợp tác chấm dứt trong trường hợp sau đây: Theo thỏa thuận của các thành viên hợp tác; Hết thời hạn ghi trong hợp đồng hợp tác; Mục đích hợp tác đã đạt được; Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

13.2. Khi chấm dứt hợp đồng hợp tác, các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng phải được thanh toán; nếu tài sản chung không đủ để trả nợ thì phải lấy tài sản riêng của các thành viên hợp tác để thanh toán theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng này. Trường hợp các khoản nợ đã được thanh toán xong mà tài sản chung vẫn còn thì được chia cho các thành viên hợp tác theo tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp của mỗi người.

Điều 14. Điều khoản chung

14.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các bên.

14.2. Hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng các Phụ lục cấu thành thỏa thuận toàn bộ của các bên và có giá trị pháp lý ngang nhau;

14.3. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng hợp tác kinh doanh là kể từ thời điểm các bên ký xác nhận và Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

14.3. Hợp đồng này bao gồm (...) trang, được lập thành (....) bản tiếng việt, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ(....) bản.

BÊN B

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

...

BÊN A

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

...